

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2025/DS-ST

Ngày: 16 – 9 – 2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lai;

2. Ông Trần Khánh Hội.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quây - là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tây Ninh.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2025/TLST-DS, ngày 08 tháng 7 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2025/QĐXXST- DS ngày 13/8/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện M, tỉnh Long An (nay là ấp B, xã M, tỉnh Tây Ninh).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trần Thanh S, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện M, tỉnh Long An (nay là ấp B, xã B, tỉnh Tây Ninh)

2.2 Bà Lê Thị Thúy L1, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Long An (nay là Ấp D, xã N, tỉnh Tây Ninh).

Ông L, ông S có mặt; bà L1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2025 của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L và phần trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa như sau:

Vào ngày 02/6/2024, ông Nguyễn Văn L cho ông Trần Thanh S và bà Lê Thị Thúy L1 vay số tiền 290.000.000 đồng với lý do để làm hồ sơ ngân hàng thẩm định

giá, khi vay có viết giấy nhận nợ thoả thuận thời hạn 02 tháng trả, lãi tính theo lãi suất ngân hàng kể từ ngày vay 02/6/2024. Ông L đã giao tiền cho ông S, còn việc ông S giao tiền cho bà L1 như thế nào thì ông L không biết.

Đến nay đã quá thời hạn nhưng ông S và bà L1 chưa thanh toán tiền cho ông L. Do đó, ông L khởi kiện yêu cầu ông S và bà L1 phải liên đới trả số tiền nợ gốc 290.000.000 đồng và nợ lãi kể từ ngày vay 02/6/2024 đến ngày xét xử. Theo đơn khởi kiện, ông yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng, tuy nhiên vì các bên thoả thuận tính theo mức lãi ngân hàng, nay ông L cũng không biết mức lãi Ngân hàng quy định bao nhiêu nên yêu cầu tính theo quy định pháp luật là 0,83%/tháng.

Bị đơn bà ông Trần Thanh S trình bày tại phiên tòa:

Ông S và bà Lê Thị Thúy L1 là bạn bè làm ăn môi giới mua bán đất. Gia đình ông L có nhu cầu bán đất, bên mua đất thoả thuận sau khi mua đất sẽ thế chấp vay Ngân hàng nhằm thanh toán tiền mua đất. Bà L1 có nói cần tiền để làm hồ sơ thẩm định vay vốn, vì bà L1 và ông L không quen biết nhau nên ông S đã cùng bà L1 đứng ra ký giấy vay tiền của ông L 290.000.000 đồng, thoả thuận 02 tháng trả. Số tiền trên ông L giao cho ông S sau đó ông S đã chuyển toàn bộ cho bà L1 chứ không sử dụng khoản nào. Hết thời hạn trả tiền ông S có nhiều lần liên hệ với bà L1 nhưng đều không gặp.

Nay sự việc xui rủi thì ông S cũng đồng ý chịu một phần hai trách nhiệm để trả nợ cho ông L chứ không đồng ý chịu toàn bộ số tiền trên.

Khi vay tiền có thoả thuận trả lãi theo lãi Ngân hàng nhưng hiện nay ông S không rõ mức lãi là bao nhiêu, ông S đồng ý với yêu cầu của ông L về việc tính lãi là 0,83%/tháng.

Bị đơn bà Lê Thị Thúy L1 vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Văn L khởi kiện yêu cầu ông Trần Thanh S và bà Lê Thị Thúy L1 trả tiền nợ vay. Xét thấy ông S có địa chỉ cư trú tại ấp B, xã B, huyện M, tỉnh Long An (nay là xã B, tỉnh Tây Ninh). Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, căn cứ Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tây Ninh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt: Bà Lê Thị Thúy L1 đã được cấp, tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L2 là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Ông Nguyễn Văn L yêu cầu ông Trần Thanh S và bà Lê Thị Thúy L1 liên đới trả số tiền nợ vay gốc là 290.000.000 đồng và tiền lãi tính theo lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày vay là 02/6/2024 đến nay. Bị đơn ông S đồng ý cùng bà L1 trả số tiền trên cho ông L.

Bà L1 vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trình bày nên được xem là tự từ bỏ quyền nghĩa vụ chứng minh để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình. Hội đồng xét xử căn cứ vào ý kiến trình bày của đương sự có mặt và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để xem xét giải quyết.

[3.2] Xét thấy, ông S có thừa nhận cùng bà L1 ký giấy vay tiền của ông L 290.000.000 đồng, ông L đã giao tiền cho ông S. Căn cứ giấy nhận nợ ngày 02/6/2024 có chữ ký xác nhận số tiền vay 290.000.000 đồng của ông S và bà L1. Như vậy có cơ sở xác định giữa ông L với ông S và bà L1 có xác lập giao dịch vay tiền theo Điều 463 Bộ luật Dân sự.

Tại giấy nhận nợ các bên thoả thuận thời hạn vay là 02 tháng, tức hạn trả nợ là ngày 02/8/2024. Tuy nhiên đến nay ông S và bà L1 chưa thanh toán cho ông L là vi phạm nghĩa vụ nên ông L khởi kiện yêu cầu trả là có căn cứ theo quy định Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự.

[3.3] Về lãi, các bên có thoả thuận tính theo lãi suất Ngân hàng, tuy nhiên ông L và ông S không biết và không xác định được mức lãi cụ thể là bao nhiêu. Tại phiên toà, ông L yêu cầu tính theo mức lãi suất 0,83%/tháng và được ông S đồng ý là phù hợp Điều 468 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Thời gian yêu cầu tính lãi từ ngày 02/6/2024 đến ngày xét xử là 16/9/2025 là 15 tháng 14 ngày, thành tiền 37.228.000 đồng.

[4] Về trách nhiệm liên đới: Xét thấy, ông S và bà L1 cùng thoả thuận vay tiền của ông L, có ký giấy nhận nợ và đã nhận tiền vay. Do đó, căn cứ Điều 288 Bộ luật Dân sự thì ông L yêu cầu ông S và bà L1 liên đới trả là có căn cứ.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì **bị đơn** phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Áp dụng các Điều 288, 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Trần Thanh S và bà Lê Thị Thúy L1.

Buộc ông Trần Thanh S và bà Lê Thị Thúy L1 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Nguyễn Văn L số tiền nợ vay gốc là 290.000.000 đồng và tiền lãi là 37.228.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi phải thanh toán là 327.228.000 đồng (Ba trăm hai mươi bảy triệu hai trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Thanh S và bà Lê Thị Thúy L1 phải liên đới nộp 16.361.000 đồng án phí. Ông Nguyễn Văn L không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn L, ông Trần Thanh S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị Thúy L1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 8 – Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Dương Thị Tuyết Nhung